

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH THÁNG 07.2024

Môn thi: Tiếng anh

Ngày thi: 14/07/2024

- Ngành: Tất cả các ngành

- Giờ thi: 8h00 - 9h00

STT	MSSV	Mã lớp	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm số	Đánh giá	Ghi chú
1	1213180002	02KT16E1	Võ Thị Cẩm	An	12/07/1987	9.9	Đạt	
2	54232320005	02KT16E1	Nguyễn Thị Thúy	An	26/10/1993	9.2	Đạt	
3	114020004		Dương Thị Kỳ	Anh	27/06/1999	-	Không Đạt	Vắng thi
4	2213360371	02DD14C1	Lê Đức	Anh	22/07/2002	7.9	Đạt	
5	2213360370	02DD14C1	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	15/08/2001	7.9	Đạt	
6	2223360408	02DH15C2	Vũ Hải	Anh	25/08/2007	6.4	Đạt	
7	2203240291	02YS13A2	Lê Tuấn	Anh	28/10/2001	7.9	Đạt	
8	1223360257	01TM15C1	Đỗ Nguyễn Thiên	Báo	22/09/2007	2.4	Không Đạt	
9	2223240265	02DS15A2	Nguyễn Tấn	Bình	18/12/2000	5.2	Đạt	
10	10T0602		Lê Vă	By	17/09/1985	-	Không Đạt	Vắng thi
11	54212320013	02KT16E1	Trần Minh	Chiến	22/12/1996	7.7	Đạt	
12	2223360109	02DS15C1	Nguyễn Hồ Linh	Đan	12/03/2007	9.5	Đạt	
13	2223240225	02YS15A2	Nguyễn Quốc	Đạt	19/11/2004	7.3	Đạt	
14	54232330001	02KT16E1	Lê Quang	Điệp	17/12/1990	9.9	Đạt	
15	2223240186	02DS15B2	Lê Hồ Thanh	Đông	24/03/1997	9.2	Đạt	
16	54222330033	02DS16B1	Lê Thị Mỹ	Dung	27/12/1998	8.9	Đạt	
17	214020661		Trịnh Thị Thùy	Dung	07/11/1994	6.7	Đạt	
18	2193180012	02TW12A1	Ngô Quốc	Dũng	21/09/2001	7.5	Đạt	
19	1223360031	02KT15E1	Lê Vũ Thùy	Dương	20/11/1999	7.6	Đạt	
20	214020363	02DD07B1	Nguyễn Thị Bé	Duy	06/09/1995	9.9	Đạt	
21	2223360035	02DS15D2	Lê Quang	Duyên	03/08/1993	7.3	Đạt	
22	2193360232	02DL12C1	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	26/03/2004	6.9	Đạt	
23	54222320085	02KT16B1	Trương Thị Thúy	Hăng	18/12/2004	-	Không Đạt	Vắng thi
24	2223360113	02MK15C1	Võ Minh	Hăng	20/03/2007	6.8	Đạt	
25	1223360254	01MK15C1	Đào Hồng	Hạnh	07/03/2007	8.9	Đạt	
26	1832420125	02YS11A1	Nguyễn Thanh	Hiếu	21/04/1999	8.0	Đạt	
27	54232320034	02DN16E1	Nguyễn Xuân	Hiếu	24/01/1995	8.1	Đạt	
28	54232320017	02KT16E1	Võ Minh	Hiếu	28/07/1996	8.5	Đạt	
29	2213360293	02YS14C1	Siu	H'Ly	25/06/2000	8.1	Đạt	
30	2223240276	02DS15B2	Lê Trọng	Hồ	10/03/1987	3.6	Không Đạt	
31	54232320013	02KT16E1	Trần Thị	Hoa	12/12/1995	9.9	Đạt	
32	54232330003	02KT16E1	Nguyễn Văn	Hoàng	01/09/1988	8.2	Đạt	
33	54222320035	02DS16A1	Lê Minh	Hoàng	31/10/2001	7.6	Đạt	
34	54222330001	02DS16A1	Lê Nguyên	Hoàng	17/07/2003	8.9	Đạt	
35	2223240271	02TM15A1	Trần Việt	Hùng	12/09/2003	2.7	Không Đạt	
36	2213360258	02DD14C1	Phạm Nguyễn Gia	Hưng	28/08/2005	7.6	Đạt	
37	54212320041	02KT16E1	Cao Hoàng	Huy	02/03/2001	8.9	Đạt	
38	1223360292	01DH15C1	Nguyễn Trần Gia	Huy	01/12/2007	8.5	Đạt	
39	54222320072	02DD16B1	Lê Thị	Huyền	29/03/1999	5.6	Đạt	

STT	MSSV	Mã lớp	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm số	Đánh giá	Ghi chú
40	1833620056	02YS11C1	Đào Hoàng	Khải	19/05/2000	8.5	Đạt	
41	2223360424	02DS15C2	Lê Bắc	Khăm	01/01/2003	4.7	Không Đạt	
42	2213360245	02MK14C1	Nguyễn Quốc	Khang	13/05/2003	-	Không Đạt	Vắng thi
43	2223360422	02TM15C1	Nguyễn Tuấn	Khanh	22/11/2006	3.9	Không Đạt	
44	54222320080	02KT16A1	Lê Hồng Hải	Khánh	19/01/2000	-	Không Đạt	Vắng thi
45	2223180063	02DS15B2	Bùi Thị Kim	Kiều	15/12/1987	7.9	Đạt	
46	54232330002	02KT16E1	Nguyễn Ngọc Bảo	Kim	17/03/1985	9.3	Đạt	
47	1213180013	02YS14B1	Trần Hải	Lâm	08/08/1999	9.5	Đạt	
48	54222330016	02YS16B1	Vũ Thị	Liên	04/06/1991	7.2	Đạt	
49	1223360068	01KT15C1	Phan Gia	Linh	05/06/2007	9.6	Đạt	
50	1213360018	01DD14C1	Trần Ngọc Hà	Linh	08/11/2006	7.5	Đạt	
51	2223360323	02KT15C1	Phạm Ngọc Thanh	Loan	19/08/2007	4.4	Không Đạt	
52	1203360160	01KT13C1	Lê Thị Cẩm	Ly	19/07/2005	5.9	Đạt	
53	54222320108	02YS16A1	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	02/12/2005	7.2	Đạt	
54	2203360296	02YS13C1	Lê Ngọc	Mai	28/02/2005	9.2	Đạt	
55	54222320103	02DS16B1	Nguyễn Thị Thanh	Mãn	27/11/1996	5.6	Đạt	
56	54222330052	02DD16B1	Nguyễn Thị Tuyết	Măng	27/01/1986	7.6	Đạt	
57	2223360581	02DN15D1	Nguyễn Tiết	Minh	10/12/1991	7.5	Đạt	
58	2203360082	02DL13C1	Trương Quang	Minh	09/12/2005	5.5	Đạt	
59	2223180040	02DS15B1	Trần Thị Ngọc	Mỹ	25/06/1991	8.1	Đạt	
60	1223360166	01DS15C1	Nguyễn Thị Thúy	Nga	15/09/2007	-	Không Đạt	Vắng thi
61	54222320131	02YS16A1	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	29/04/2004	4.9	Không Đạt	
62	2193240140	02YS12A1	Nguyễn Thị Trường	Ngân	16/05/2001	6.5	Đạt	
63	54232320031	02KT16E1	Trần Thị Ánh	Ngân	12/01/1993	8.1	Đạt	
64	2213360129	02DD14C1	Vũ Thị Diệu	Ngân	28/08/2006	3.6	Không Đạt	
65	1203360137	01KT13C1	Nguyễn Thị Như	Ngọc	26/08/2005	8.5	Đạt	
66	1213360030	01DD14C1	Dương Yến	Nhi	14/10/2006	7.5	Đạt	
67	2223360110	01DN15C1	Nguyễn Lê Minh	Ny	25/12/2007	4.5	Không Đạt	
68	2223360592	02MK15C1	Bùi Hải	Phúc	10/09/2007	-	Không Đạt	Vắng thi
69	2223360205	02PM15C1	Phạm Nguyễn Thiên	Phúc	16/12/2006	2.8	Không Đạt	
70	54232320014	02KT16E1	Đỗ Thị Mỹ	Phương	29/10/1984	-	-	Hoàn thi
71	2223360534	02KT15C1	Nguyễn Hoàng Tiểu	Phương	27/06/2006	4.3	Không Đạt	
72	54222320091	02YS16B1	Nguyễn Lê Mai	Phương	07/04/1986	8.8	Đạt	
73	2203240272	02MK13A1	Văn Minh	Quốc	10/10/2002	6.8	Đạt	
74	1223360126	01MK15C1	Ngô Tổ	Quyên	21/09/2007	6.5	Đạt	
75	2223360510	02DS15C2	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	26/09/2003	5.1	Đạt	
76	54232330004	02KT16E1	Nguyễn Việt	Sáng	11/07/1994	9.1	Đạt	
77	2203240103	02MK13B1	Nguyễn Thị Hồng	Thanh	10/02/1994	9.6	Đạt	
78	1223360237	01PM15C1	Hồ Tấn	Thành	10/08/2007	6.0	Đạt	
79	1203360134	01TW13C1	Lê Thị Thu	Thảo	05/06/2004	5.9	Đạt	
80	54232320035	02KT16E1	Nguyễn Thị	Thảo	28/02/1996	9.6	Đạt	
81	2223360197	02MK15C1	Nguyễn Thị	Thảo	28/05/2006	8.4	Đạt	

STT	MSSV	Mã lớp	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm số	Đánh giá	Ghi chú
82	1223360017	02KT15E1	Lê Thị Kim	Thoa	26/03/2001	5.5	Đạt	
83	1223360069	01DN15C1	Nguyễn Tuyết	Thu	25/08/2007	5.9	Đạt	
84	54222330055	02DS16B1	Nguyễn Thị Cẩm	Thư	14/05/1994	8.5	Đạt	
85	54222330049	02YS16B1	Chung Hữu	Thuận	04/02/2000	8.8	Đạt	
86	2223240173	02DS15B2	Nguyễn Thị Kiều	Thuận	19/09/2001	9.6	Đạt	
87	2223360112	02DS15D2	Phạm Thị Bích	Thùy	15/10/1983	9.7	Đạt	
88	54222330067	02YS16B1	Nguyễn Duy	Toàn	10/12/1992	9.2	Đạt	
89	2203360230	02DD13C2	Trần Thị Minh	Trâm	08/02/2005	9.3	Đạt	
90	2223360271	02MK15C1	Trần Thị Mỹ	Trâm	15/04/2004	8.7	Đạt	
91	54212310081	02KT16C1	Trần Thị Thùy	Trâm	28/01/1996	-	Không Đạt	Vắng thi
92	2223180060	02DS15B2	Nguyễn Thị Huỳnh	Trân	16/11/1997	9.7	Đạt	
93	54222320107	02DS16B1	Đậu Thị	Trang	14/02/2005	9.5	Đạt	
94	2223240275	02DS15A2	Huỳnh Ngọc Kiều	Trinh	03/12/2001	9.6	Đạt	
95	54232320018	02DN16E1	Nguyễn Kiều	Trinh	30/12/1999	9.6	Đạt	
96	2223240155	02DD15A2	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	22/01/1998	9.6	Đạt	
97	2223240086	02DS15B2	Bùi Giang Nguyên	Trinh	26/10/1994	9.6	Đạt	
98	1832420374	02DD11A1	Lê Quốc	Trọng	10/05/1996	9.9	Đạt	
99	2213360216	02KT14C1	Bùi Xuân Thanh	Trúc	03/07/2005	6.9	Đạt	
100	2223180064	02DS15B2	Võ Thị Cẩm	Tú	07/09/1983	9.9	Đạt	
101	2203360187	02TW13C1	Nguyễn Lê Minh	Tuyền	25/08/2005	7.1	Đạt	
102	2203360093	02MK13C1	Trần Thị Thanh	Tuyền	16/08/2005	9.3	Đạt	
103	54222330037	02YS16B1	Lưu Văn	Uy	26/12/1993	9.2	Đạt	
104	1213360092	01MK14C1	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	30/05/2006	8.7	Đạt	
105	2203240055	02MK13A1	Cao Nguyên Lâm	Viên	10/10/1991	8.4	Đạt	
106	2223360388	02DH15C2	Lê Xuân	Vinh	10/09/2007	6.3	Đạt	
107	1223360253	01DH15C1	Bùi Thị Thảo	Vy	19/07/2007	6.5	Đạt	
108	54212320020	02KT16E1	Trần Lê Như Ánh	Xuân	15/01/2001	9.3	Đạt	
109	54222310176	02KT16C1	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	14/03/1998	-	Không Đạt	Vắng thi

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2024

Phòng Đào tạo